

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TP

Đức Phổ, ngày tháng năm 2023

V/v đơn đốc triển khai và  
báo cáo sơ kết 05 năm thi hành  
Luật Tiếp cận thông tin

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Thực hiện Công văn số 886/STP-PBGDPL ngày 30/6/2023 của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi về việc đơn đốc việc triển khai và báo cáo sơ kết 05 năm thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Để có cơ sở đánh giá kết quả 5 năm triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP; Chủ tịch UBND thị xã yêu cầu các phòng, ban, ngành thị xã và UBND các xã, phường thực hiện một số nội dung sau:

**1. Các phòng, ban, ngành thị xã, UBND các xã, phường**

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP, các cơ quan, đơn vị, địa phương tham khảo tài liệu tuyên truyền đã được đăng tải công khai trên Chuyên mục Tiếp cận thông tin/Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp.

- Thực hiện báo cáo sơ kết 05 năm triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP (theo mẫu Báo cáo gửi kèm theo). Báo cáo gửi về UBND thị xã (qua Phòng Tư pháp) trước ngày **07/7/2023**.

**2. Phòng Tư pháp**

Trên cơ sở nội dung báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương, giao Phòng Tư pháp tổng hợp, tham mưu UBND thị xã báo cáo UBND tỉnh, Sở Tư pháp theo đúng thời gian quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT UBND thị xã;
- Phòng Tư pháp;
- Văn phòng HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Đỗ Tâm Hiền**

**MẪU BÁO CÁO SƠ KẾT 05 NĂM TRIỂN KHAI THI HÀNH  
LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN**  
(từ ngày 01/7/2018 đến ngày 30/6/2023)

(Kèm theo Công văn số            /UBND-TP ngày    / /2023 của UBND thị xã)

**I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH, BỐI CẢNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG**

**II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

1. Kết quả tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP tới cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân tại cơ quan, đơn vị, địa phương (nêu rõ số lượng và các hình thức tuyên truyền, phổ biến như: Tổ chức hội nghị quán triệt/tập huấn; biên soạn và cung cấp tài liệu tuyên truyền: sổ tay, tờ rơi, tờ gấp, ấn phẩm,...).

2. Kết quả ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP theo thẩm quyền.

3. Kết quả tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng cung cấp thông tin cho người làm đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương mình (hình thức, số lượng tập huấn).

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP**

**1. Kết quả chung**

1.1. Về các thông tin được công khai (loại thông tin được công khai, hình thức, thời điểm công khai...).

1.2. Về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu, cung cấp thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (số lượng yêu cầu, hình thức yêu cầu, hình thức cung cấp thông tin, thời gian cung cấp thông tin, việc rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin,...).

1.3. Về việc bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp cận thông tin (như bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu...).

1.4. Về việc bố trí cán bộ đầu mối, nguồn nhân lực bảo đảm phục vụ công tác tiếp cận thông tin (bố trí cán bộ đầu mối ở bộ phận nào của cơ quan, hoạt động

chuyên trách hay kiêm nhiệm); lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu; việc công khai họ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

1.5. Về việc ban hành và công bố công khai Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin (thời điểm ban hành, công khai và kết quả triển khai thực hiện).

1.6. Về việc vận hành Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tiếp cận thông tin (xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương mình); việc tổ chức xây dựng và duy trì Chuyên mục về tiếp cận thông tin trên trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan mình.

1.7. Về việc lập, cập nhật và công khai Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (thời điểm lập, mức độ cập nhật).

1.8. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin (*nêu rõ các hình thức cung cấp thông tin thuận lợi và phù hợp với khả năng tiếp cận của người khuyết tật; việc bố trí thiết bị nghe, nhìn và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật của người yêu cầu cung cấp thông tin; việc bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc khó khăn trong việc tiếp cận thông tin...).*

1.9. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (*nêu cụ thể các hình thức cung cấp thông tin phù hợp với các đối tượng và điều kiện tại các khu vực này; việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin tại các khu vực này...).*

1.10. Về chi phí tiếp cận thông tin (việc tuân thủ các quy định pháp luật về chi phí tiếp cận thông tin; ban hành văn bản hướng dẫn (nếu có)...).

1.11. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện tiếp cận thông tin (số lượng khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và kết quả giải quyết (nếu có)) và việc xử lý vi phạm (nếu có).

1.12. Các biện pháp đã thực hiện để giải quyết khó khăn, vướng mắc đã nêu tại Báo cáo sơ kết 03 năm triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **2. Kết quả cụ thể**

2.1. Tổng số yêu cầu cung cấp thông tin: .....

## 2.2. Tổng số thông tin được cung cấp theo yêu cầu: .....

Trong đó nêu cụ thể:

### a) Theo lĩnh vực:

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực đất đai: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực y tế: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực giáo dục: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực tài chính, ngân sách: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực tư pháp: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực nội vụ: .....

- Số lượng cung cấp thông tin được cung cấp theo yêu cầu trong lĩnh vực khác: .....

b) - Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin được giải quyết theo Luật Tiếp cận thông tin: .....

- Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin được giải quyết theo pháp luật chuyên ngành: .....

### c) Hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu (*ghi rõ số lượng*)

- Cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin: .....

- Cung cấp thông tin qua mạng điện tử: .....

- Cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax: .....

2.3. Số lượng yêu cầu bị từ chối cung cấp thông tin: .....

Lý do từ chối: .....

2.4. Việc bảo đảm thời hạn giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin.

2.5. Việc xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác (*nếu có*).

#### **IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP**

1. Đánh giá chung

2. Thuận lợi

3. Khó khăn, vướng mắc

4. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

#### **V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan xây dựng, ban hành chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về tiếp cận thông tin (Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tư pháp...).

2. Đề xuất, kiến nghị đối với các cơ quan thực thi pháp luật về tiếp cận thông tin (các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của Luật).

3. Đề xuất, kiến nghị khác.